**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG**

**Nhóm Lịch sử và Địa lý**

**BÀI 12: LỚP VỎ KHÍ. KHỐI KHÍ.**

**KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT (2 TIẾT).**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. CÁC TẦNG KHÍ QUYỂN VÀ THÀNH PHẦN KHÔNG KHÍ.**

**1. Các tầng khí quyển**

Gồm 3 tầng: đối lưu, bình lưu và các tầng cao khí quyển

**\* Tầng đối lưu:**

 - Nằm dưới cùng, độ dày từ 0-16 km.

 - Tập trung 90% không khí, không khí luôn chuyển động theo chiều thẳng đứng.

 - Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng :mây, mưa, sấm chớp…

 - Càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm, lên cao100m nhiệt độ giảm 0,60C.

**\* Tầng bình lưu:**

- Nằm trên tầng đối lưu, độ dày từ 16 – 52 km, không khí chuyển động theo chiều ngang.

- Có lớp ô dôn có tác dụng hấp thụ, ngăn các tia bức xạ có hại của Mặt trời đối với sinh vật và con người

**2. Thành phần của không khí**

Thành phần của không khí gồm :

- Khí ni tơ chiếm 78%.

- Khí ôxi chiếm 21% .

- Hơi nước và các khí khác chiếm 1%

* Các khí này có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên và đời sống.

**II. KHỐI KHÍ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khối khí** | **Nơi hình thành** | **Đặc điểm chính** |
| **Khối khí nóng** | Vùng có vĩ độ thấp | Nhiệt độ tương đối cao |
| **Khối khí lạnh** | Vùng có vĩ độ cao | Nhiệt độ tương đối thấp |
| **Khối khí lục địa** | Trên các vùng đất liền  | Có tính chất khô |
| **Khối khí đại dương** | Trên các biển và đại dương | Có tính chất ẩm |

**III. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT**

**1. Khí áp**

- Khí áp sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.

- Đơn vị đo khí áp là milimet thủy ngân (mmHg) hoặc miliba (mb)

- Trên Trái đất, các đai khí áp thấp và khí áp cao phân bố xen kẽ nhau từ xích đạo về cực:

+ Các đai áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 00 và khoảng vĩ độ 600B và 600N

+ Các đai áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 300 B và 300N và khoảng vĩ độ 900B và 900N (cực Bắc và Nam)

**2. Gió trên Trái đất**

- Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi áp cao về nơi áp thấp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Loại gió** | **Phạm vi gió thổi.** | **Hướng gió.** |
| **1. Tín phong**  | Từ khoảng các vĩ độ 300B và 300N về Xích đạo | ở nửa cầu Bắc: hướng Đông Bắc ở nửa cầu Nam: hướng Đông Nam |
| **2. Tây ôn đới** | Từ khoảng các vĩ độ 300B và 300N lên khoảng các vĩ độ 600B và 600N | ở nửa cầu Bắc: hướng Tây Nam, ở nửa cầu Nam: hướng Tây Bắc |
| **3. Đông cực**  | Từ khoảng các vĩ độ 900B và 900N về 600B và 600N | ở nửa cầu Bắc: hướng Đông Bắc ở nửa cầu Nam: hướng Đông Nam |

**B. BÀI TẬP**

**Câu 1. Các Ý trong bảng sau đây nói về lớp vỏ khí của Trái đất. Hãy ghi Đ vào ô trống trước ý ĐÚNG và ghi chữ S vào ô trống trước ý SAI.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Khí quyển là lớp không khí bao quanh trái đất, được tạo thành chủ yếu từ khí oxy |
|  | Các hiện tượng khí tượng như mưa, mây, gió,... chỉ xảy ra ở tầng đối lưu vì tầng này có chứa nhiều hơi nước |
|  | Lớp ô dôn ở tầng bình lưu có tác dụng như một màn chắn, ngăn cản phần lớn các tia tử ngoại chiếu xuống Trái đất |
|  | Không khí trong tầng bình lưu chỉ chuyển động theo chiều năm ngang |
|  | Khí Carbonic là một thành phần tự nhiên của khí quyển, cần thiết cho đời sống của thực vật |
|  | Nhiệt độ không khí ở tầng đối lưu có sự thay đổi theo chiều thẳng đứng và chiều ngang |
|  | Các hành động giảm sử dụng phương tiện giao thông như đi xe chung, dùng các phương tiện công cộng, đi bộ, đi xe đạp sẽ góp phần bảo vệ môi trường không khí |
|  | Khí carbonic cần thiết cho sự sống của thực vật, tuy nhiên sự gia tăng quá mức của loại khí này là nguyên nhân gây ra hiện tượng ấm lên toàn cầu. |

**Câu 2. Hãy nối từng ý ở cột A với các ý cột B, C sao cho phù hợp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A. Loại gió |  | B. Nơi xuất phát |  | C. Nơi đến |
| 1. Gió Tín phong |  | a. Áp cao cực |  | i. Áp thấp xích đạo |
| 2. Gió Tây Ôn đới |  | b. Áp cao cận chí tuyến |  | ii. Áp thấp ôn đới |
| 3. Gió Đông cực |  | c. Áp thấp xích đạo |  | iii. Áp cao cực |

**C. DẶN DÒ**

1. Xem lại bài, học và làm bài tập.

2. Đọc và trả lời các câu hỏi BÀI 13: **THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU. CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT**